

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP
PHÒNG KHẢO THÍ & ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 09 tháng 9 năm 2021

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÔNG ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ

TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 9 NĂM 2021

TT	Chuyên ngành	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày Sinh	ĐK HTCTĐT	Xét CĐR	Ghi chú
1	2	3	4	6	15	16	17
1	CĐT	K145520114074	Vũ Văn Công	15/12/1996		Không đạt	Thiếu hồ sơ
2	CĐT	K145520114116	Bùi Xuân Trường	14/02/1995		Không đạt	Chứng chỉ không hợp lệ
3	CĐT	K155520114050	Dương Đức Thắng	12/7/1997		Không đạt	Thiếu hồ sơ
4	CĐT	K155520114053	Thái Khắc Thao	9/4/1997		Không đạt	Thiếu hồ sơ
5	CĐT	K155520114069	Vương Hải Vinh	27/10/1997		Không đạt	Thiếu hồ sơ
6	CĐT	K155520114080	Nguyễn Tiến Dũng	24/09/1997	202	Không đạt	Chưa HTCTĐT quá 12 tháng
7	CĐT	K155520114091	Đỗ Văn Huy	16/08/1997		Không đạt	Thiếu hồ sơ
8	CĐT	K165520114005	Lưu Tuấn Bình	12/11/1998		Không đạt	Thiếu hồ sơ
9	CĐT	K165520114023	Dương Trung Hiếu	17/03/1997		Không đạt	Thiếu hồ sơ
10	CĐT	K165520114041	Trịnh Bắc Nam	20/01/1997		Không đạt	Thiếu hồ sơ
11	CĐT	K165520114067	Trần Mạnh Tuấn	8/7/1998		Không đạt	Thiếu hồ sơ
12	CĐT	K165520114194	Phạm Như Quân	17/07/1997		Không đạt	Cung cấp chứng chỉ dịch thuật
13	CĐT	K145520114088	Hồ Đại Hiệp	27/11/1996		Không đạt	Có 01 đợt thi chưa HTCTĐT
14	CĐT	K155520114005	Lê Trần Cương	29/04/1997		Không đạt	Có 01 đợt thi chưa HTCTĐT
15	CK CTM	K145520103185	Nguyễn Văn Lộc	18/04/1995		Không đạt	Thiếu hồ sơ
16	CK CTM	K155520103005	Trần Văn Chinh	2/12/1997		Không đạt	Thiếu hồ sơ
17	CK CTM	K155520103032	Đậu Quốc Khánh	9/11/1997		Không đạt	Chứng chỉ không hợp lệ
18	CK CTM	K155520103046	Đặng Hồng Quân	13/06/1997		Không đạt	Thiếu hồ sơ
19	CK CTM	K155520103138	Bùi Văn Tùng	28/03/1997		Không đạt	Thiếu hồ sơ
20	CK CTM	K165520103142	Nguyễn Thị Hương Giang	17/03/1998	201	Không đạt	Chưa HTCTĐT quá 12 tháng
21	CK CTM	K165520103219	Nguyễn Trung Kiên	30/05/1998		Không đạt	Thiếu hồ sơ
22	CK CTM	K155520103239	Luân Văn Hùng	17/01/1997		Không đạt	Thiếu ĐK CĐR (thiếu 01 chứng chỉ NN)
23	CN GCCG	K145510202044	Dương Bá Hoàng	19/11/1996	201	Không đạt	Chưa HTCTĐT quá 12 tháng
24	CN KTĐ	K145510301129	Mai Ngọc Lâm	4/9/1996		Không đạt	Thiếu hồ sơ
25	CN KTĐ	K165510301022	Hoàng Duy Khiêm	6/9/1998		Không đạt	Thiếu hồ sơ
26	CN KTĐ	K165510301024	Đào Ngọc Kiên	5/10/1998		Không đạt	Thiếu hồ sơ

27	CN Ô TÔ	K155510205022	Đinh Văn Hiếu	10/6/1996		Không đạt	Thiếu hồ sơ
28	CN Ô TÔ	K155510205041	Nguyễn Trường Ninh	24/08/1997		Không đạt	Thiếu hồ sơ
29	CN Ô TÔ	K155520114137	Trần Ngọc Vinh	16/03/1997		Không đạt	Thiếu hồ sơ
30	CN Ô TÔ	K165510205018	Đinh Hào Hiệp	20/05/1998		Không đạt	Thiếu hồ sơ
31	CN Ô TÔ	K165510205024	Nguyễn Bá Hùng	30/08/1998		Không đạt	Thiếu hồ sơ
32	ĐTVT	K145520207014	Dương Hồng Hạnh	23/11/1996		Không đạt	Thiếu hồ sơ
33	HTĐ	K135520201174	Nguyễn Thị Sao	21/02/1995		Không đạt	Chưa HTCTĐT
34	HTĐ	K155510301016	Nguyễn Hoàng	21/05/1997	201	Không đạt	Chưa HTCTĐT quá 12 tháng
35	HTĐ	K155520201170	Nguyễn Ngọc Tiến	30/10/1997		Không đạt	Thiếu hồ sơ
36	KT DNCN	K155510604032	Đặng Thị ánh Tuyết	16/09/1997	202	Không đạt	Chưa HTCTĐT quá 12 tháng
37	KT DNCN	K165510604008	Bùi Minh Trà	7/9/1998		Không đạt	Thiếu hồ sơ
38	KT DNCN	K165510604010	Nguyễn Thị Phương Thảo	14/08/1998		Không đạt	Thiếu hồ sơ
39	KT DNCN	K175510604001	Hoàng Mỹ Hào	28/07/1999		Không đạt	Thiếu hồ sơ
40	KTĐ	K145520201068	Nguyễn Đăng Tuấn	13/06/1996		Không đạt	Thiếu hồ sơ
41	KTĐ	K145520201223	Nông Đức Tạo	3/10/1996		Không đạt	Thiếu hồ sơ
42	KTĐ	K155520201039	Đàm Thị Phụng	15/02/1997		Không đạt	Thiếu hồ sơ
43	KTĐ	K155520201222	Nguyễn Văn Sang	24/12/1997	201	Không đạt	Chưa HTCTĐT quá 12 tháng
44	KTĐK	K145520216219	Nguyễn Văn Tiến	5/3/1995		Không đạt	Thiếu hồ sơ
45	KTĐT	K155520207050	Mẫn Bá Thường	4/2/1997		Không đạt	Thiếu hồ sơ
46	KTĐT	K155520207104	Mai Ngọc Tân	14/09/1997	201	Không đạt	Chưa HTCTĐT quá 12 tháng
47	KTĐT	K165520207006	Nguyễn Dương Minh Cường	11/10/1998		Không đạt	Thiếu hồ sơ
48	QLCN	K145510601006	Phí Thị Hồng Hạnh	19/09/1996		Không đạt	Thiếu hồ sơ
49	QTDN CN	K135510604050	Dương Quang Đại	8/6/1995		Không đạt	Thiếu hồ sơ
50	QTDN CN	K135510604051	Nhâm Sỹ Đạt	3/12/1995		Không đạt	Thiếu hồ sơ
51	QTDN CN	K135510604061	Phạm Thị Hằng	16/01/1995		Không đạt	Thiếu hồ sơ
52	SP KTĐ	K135140214081	Nguyễn Hoàng Anh	10/10/1995		Không đạt	Thiếu hồ sơ
53	TĐH XNCN	K135520216170	Nguyễn Đức Thanh	10/8/1995		Không đạt	Thiếu hồ sơ
54	TĐH XNCN	K145520216062	Đồng Minh Thanh	10/11/1996		Không đạt	Thiếu hồ sơ
55	TĐH XNCN	K155520103317	Nguyễn Phú Trọng	20/12/1997		Không đạt	Thiếu hồ sơ
56	TĐH XNCN	K155520216104	Nguyễn Phương Nam	1/4/1997		Không đạt	Thiếu hồ sơ
57	TĐH XNCN	K155520216134	Đinh Tuấn Anh	10/12/1997		Không đạt	Thiếu hồ sơ
58	TĐH XNCN	K155520216189	Lê Tiệp	3/3/1997	201	Không đạt	Chưa HTCTĐT quá 12 tháng
59	TĐH XNCN	K155520216259	Đỗ Văn Tuấn	27/12/1997		Không đạt	Thiếu hồ sơ
60	TĐH XNCN	K155520216289	Nguyễn Văn Nam	5/11/1997		Không đạt	Thiếu hồ sơ
61	TĐH XNCN	K165520216192	Nguyễn Đăng Đô	16/05/1998		Không đạt	Thiếu hồ sơ

62	TĐH XNCN	K165520216260	Lại Văn Đức	21/08/1998		Không đạt	Thiếu hồ sơ
63	THCN	K155520214002	Đinh Văn Dũng	2/10/1997		Không đạt	Thiếu hồ sơ
64	THCN	K165520214001	Vũ Mạnh Công	24/10/1998		Không đạt	Thiếu hồ sơ
65	THCN	K165520214004	Vũ Quốc Dương	25/07/1998		Không đạt	Thiếu hồ sơ
66	THCN	K165520214014	Lương Gia Tuấn	10/4/1998		Không đạt	Thiếu hồ sơ
67	TK&CTCK	K135520103232	Phạm Duy Đạt	7/7/1995		Không đạt	Thiếu hồ sơ

Ý nghĩa các từ viết tắt: CĐR = Chuẩn đầu ra ngoại ngữ
ĐK CĐR = Điều kiện chuẩn đầu ra ngoại ngữ
HTCTĐT = Hoàn thành chương trình đào tạo
ĐK HTCTĐT = Điều kiện hoàn thành chương trình đào tạo
Thiếu hồ sơ = Thiếu Đơn dự xét CĐR NN + bản sao chứng chỉ ngoại ngữ

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG KHẢO THÍ & ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

ThS. Nguyễn Thị Diệu Huyền

TS. Nguyễn Đức Tường

